TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/DS - ST.
Ngày: 25 - 9 - 2017.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Kha Quốc Dũng.
2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2017/TLST - DS, ngày 04 tháng 4 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXX - ST, ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: Tòa nhà Đ, số nhà 72, phố Đ, phường Đ, quận K, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Q; Sinh năm: 1962; Địa chỉ: đường T, khóm 1, phường 2, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền "văn bản ủy quyền số 91/2016/UQ-GĐK-TDTD, ngày 10/3/2017". (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T; Sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/3/2017 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Văn Q trình bày: Vào ngày 02/02/2015, ông Trần Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 20150206-100190-0005 với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền là

20.000.000 đồng với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo giao kết tại hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.673.000 đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi, trả chậm trong 24 tháng, trong 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.279.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.256.000 đồng, thanh toán vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 07/3/2015. Thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn T đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 08 lần với số tiền là 9.453.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.146.620 đồng và lãi là 5.306.380 đồng), lần cuối cùng trả vào ngày 31/3/2016. Tính đến khi hết hạn hợp đồng vào ngày 07/02/2017 thì ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 21.220.000 đồng (trong đó tiền vay gốc còn lại là 15.853.380 đồng và tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng là 5.366.620 đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 21.220.000 đồng (trong đó tiền vay gốc còn lại là 15.853.380 đồng và tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng là 5.366.620 đồng). Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn T phải trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn ông Trần Văn T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác, nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho ông T được vì ông T đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông T theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán , Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự , đối với bị đơn ông Trần Văn T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự . Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và buộc bị đơn ông Trần Văn T

hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 15.853.380 đồng và tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng là 5.366.620 đồng, tổng cộng là 21.220.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Văn T, nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho ông T được vì ông T đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông T. Bị đơn ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho việc ông Trần Văn T có vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số 20150206-100190-0005 ngày 02/02/2015 (bút lục từ 13 - 16) có chữ ký của bị đơn ông Trần Văn T ở mục bên vay, lịch sử thanh toán khách hàng Trần Văn T (bút lục 38) và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định ông Trần Văn T đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền là 20.000.000 đồng. Theo lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp thể hiện sau khi vay ông T đã trả cho Ngân hàng được 08 lần với số tiền vốn và lãi là 9.453.000 đồng, lần cuối cùng trả vào ngày 31/3/2016, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 4 Mục B và Điều 1 Mục C của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn lại là 15.853.380 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150206-100190-0005 ngày 02/02/2015 (bút lục từ 13 - 16) giữa Ngân hàng và ông Trần Văn T đã giao kết mức lãi suất là 3.75%/tháng nên ông T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết, tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên

đơn chỉ yêu cầu ông T hoàn trả tiền lãi theo giao kết đến ngày 07/02/2017 (ngày hết hạn hợp đồng) với số tiền là 5.366.620 đồng (16 kỳ và lãi suất giảm dần theo giao kết) là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Như vậy, bị đơn ông Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền vay gốc là 15.853.380 đồng và tiền lãi là 5.366.620 đồng, tổng cộng là 21.220.000 đồng.

[5] Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn T phải trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn T phải chịu 1.061.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V. Buộc bị đơn ông Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền vay gốc là 15.853.380 đồng (Mười lăm triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi đồng) và tiền lãi là 5.366.620 đồng (Năm triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi đồng), tổng cộng là 21.220.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).

[2] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn T còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn T phải chịu 1.061.000 đồng (Một triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 531.000 đồng (Năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006727, ngày 31/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung